

Số: /SGTVT-QLVT-PT&NL

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2024

V/v triển khai, thực hiện một số quy định mới theo Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/03/2024 của Bộ GTVT liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cơ quan thông tấn, báo chí;
- CN Công ty cổ phần vận tải Lào Cai tại Lai Châu.

Thực hiện Văn bản số 1190/UBND-KTN ngày 05/4/2024 của Ủy ban nhân tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Để Nhân dân kịp thời tiếp cận, nắm bắt các thông tin mới và thực hiện đúng theo quy định hiện hành, Sở Giao thông vận tải Lai Châu đề nghị các cơ quan, ban, ngành đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố và cơ quan thông tấn, báo chí, Đài phát thanh - truyền hình, cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh phối hợp triển khai tuyên truyền, phổ biến một số nội dung mới liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, quản lý và sử dụng giấy phép lái xe theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực từ 01/6/2024 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT) như sau:

I. Quy định mới về công tác đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe dành cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, biết viết tiếng Việt

Trước đây, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 10/02/2017 của Bộ Giao thông vận tải giao cho UBND tỉnh ban hành quy định về đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A4 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, biết tiếng Việt. Do đó, trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã quy định đối tượng dự sát hạch là người dân tộc thiểu số không biết đọc, biết tiếng Việt tự xin xác nhận trình độ văn hóa và được sử dụng bộ đề riêng 20 câu hỏi để sát hạch lý thuyết (các trường hợp khác phải sử dụng bộ đề có 25 câu hỏi theo quy định). Đến nay, tại Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT không giao cho UBND tỉnh quy định riêng về nội dung này, mà được quy định cụ thể tại Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT, cụ thể:

1. Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT; khoản 2 Điều 2 Thông tư 01/2021/TT-BGTVT) về hồ sơ người học lái xe đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, A4 cụ thể:

- Lập 01 bộ hồ sơ, nộp và chụp ảnh trực tiếp tại tại cơ sở đào tạo.
- Hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định gồm: “Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung cụ thể thời gian nộp báo cáo đăng ký kỳ sát hạch hạng A1 và A4 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, biết viết Tiếng Việt tại khoản 15 Điều 5 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT như sau:

“Báo cáo đăng ký sát hạch hạng A1 và A4 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt gửi về Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe trước kỳ sát hạch ít nhất **30 ngày**.”

3. Tại khoản 15 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT): Sở Giao thông vận tải thực hiện lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã xác thực trình độ văn hóa của người dân tộc thiểu số trước khi tổ chức kỳ sát hạch như sau:

“c) Đối với khóa đào tạo và sát hạch cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thực hiện như sau:

- Trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 38 ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cư trú lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Giao thông vận tải có văn bản.

- Trong thời hạn lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng; quá thời hạn lấy ý kiến mà Sở Giao thông vận tải chưa nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch.

Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, Sở Giao thông vận tải mới nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Sở Giao thông vận tải đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch đối với các thí sinh đúng đối tượng của kỳ sát hạch kế tiếp gần nhất.”

4. Tại khoản 34 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 44 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 26 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT) quy định cụ thể nội dung và quy trình sát hạch như sau:

“4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt:

a) Nội dung và quy trình sát hạch lái xe: thực hiện theo nội dung và quy trình sát hạch lái xe hạng A1 và A4 quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Thông tư này;

b) Việc tổ chức sát hạch được thực hiện như sau: tổ chức sát hạch riêng. Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy; thời gian thi là 30 phút. 02 (hai) sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch trong bộ đề; 01 sát hạch viên đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, 01 sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng mà thí sinh chọn trên bài sát hạch lý thuyết; Sát hạch viên chấm điểm, ký tên xác nhận vào bài sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và thông báo kết quả sát hạch cho thí sinh. Thực hiện nội dung sát hạch thông qua người phiên dịch, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi của sát hạch viên và câu trả lời của thí sinh; cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm thuê người phiên dịch;”

II. Quy định mới về công tác đào tạo lái xe các hạng

1. Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung quy định cụ thể về thời gian học ban đêm tại Điều 3 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT như sau: “Thời gian học lái xe ban đêm được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.”

2. Tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung khoản 20 vào Điều 5 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT như sau:

“20. Cơ sở đào tạo căn cứ chương trình, giáo trình, tài liệu, giáo viên, hệ thống phòng học, xe tập lái và nhu cầu của người học, để lập kế hoạch đào tạo với số lượng học viên đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.”;

3. Tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung khoản 21, khoản 22 vào Điều 5 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT quy định về trách nhiệm cụ thể của cơ sở đào tạo bị giải thể và bị thu hồi giấy phép đào tạo.

4. Tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 8 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT đã mở rộng hình thức đào tạo để thuận lợi cho người dân, cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo như sau:

4.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT

như sau:

“2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B2, C, D, E và các hạng F được đào tạo:

a) Đối với nội dung học lý thuyết được lựa chọn một trong các hình thức sau: tập trung tại cơ sở đào tạo; tập trung tại cơ sở đào tạo kết hợp với đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

Riêng đối với các môn phải học tập trung tại cơ sở đào tạo, gồm: cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung;

c) Phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo, để được xét cấp chứng chỉ sơ cấp nghề, chứng chỉ đào tạo.”;

4.2. Bổ sung khoản 3 vào Điều 8 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT như sau:

“3. Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo tổ chức kiểm tra hoặc xét cấp chứng chỉ kết thúc khóa học mà học viên không đủ điều kiện cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới”.

III. Quy định mới về giấy phép lái xe

1. Tại khoản 11 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 16 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT như sau:

“13. Hạng giấy phép lái xe sử dụng cho người lái xe ô tô chở người thực hiện theo quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này. Trường hợp xe thiết kế, cải tạo theo quy định của pháp luật về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.”.

2. Tại điểm a khoản 24 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 33 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 19 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT) như sau:

“13. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp, có số phiê, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phiê, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được xác thực trên VneID.”;

IV. Quy định mới về các trường hợp bị thu hồi giấy phép lái xe và hình thức xử lý giấy phép lái xe bị thu hồi

1. Tại điểm b khoản 24 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 33 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi,

bổ sung tại điểm b khoản 19 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT) đã quy định cụ thể về các trường hợp bị thu hồi Giấy phép lái xe như sau:

“14. Các trường hợp thu hồi Giấy phép lái xe bao gồm:

- a) Người lái xe có hành vi gian dối để được cấp giấy phép lái xe;
- b) Người lái xe tẩy, xoá, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe;
- c) Để người khác sử dụng giấy phép lái xe của mình;
- d) Cơ quan có thẩm quyền cấp cho người không đủ điều kiện;
- đ) Có sai sót một trong các thông tin về họ tên, ngày sinh, quốc tịch, nơi cư trú, hạng giấy phép lái xe, giá trị cấp, ngày trúng tuyển, người ký;
- e) Thông qua việc khám sức khỏe Cơ quan có thẩm quyền xác định trong cơ thể người lái xe có chất ma túy (trừ các hành vi xử lý theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 10 Điều 5; điểm h và điểm i khoản 8 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019).”;

2. Tại điểm c khoản 24 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung khoản 15 vào Điều 33 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT: quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hình thức xử lý trường hợp bị thu hồi như sau:

“15. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy phép lái xe. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép lái xe, người lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến cơ quan thu hồi giấy phép lái xe và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe đã cấp và hủy bỏ theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy phép lái xe là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp giấy phép lái xe.”;

3. Tại điểm d khoản 24 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung khoản 16 vào Điều 33 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT:

“16. Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi.

a) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm d và điểm e khoản 14 Điều này (**mục 1 phần IV**) không có giá trị sử dụng, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp

giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

b) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều này, sau 01 năm kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép lái xe có hiệu lực, cá nhân nếu có nhu cầu cấp giấy phép lái xe thì đăng ký với Sở Giao thông vận tải để sát hạch lại các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư này;

c) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 14 Điều này thực hiện như sau: giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư này; giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng trên 03 tháng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư này.”;

4. Tại điểm đ khoản 24 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT bổ sung khoản 17 vào Điều 33 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT:

“17. Người lái xe có các hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.”.

V. Quy định mới đối với các trường hợp đổi, cấp lại giấy phép lái xe bị quá hạn

Tại khoản 27 Điều 4 Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 01 Điều 12 Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT) đã quy định cụ thể về các trường hợp đổi, cấp lại giấy phép lái xe bị quá hạn xe như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT:

“1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này để cấp lại giấy phép lái xe;

b) Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp lại giấy phép lái xe;

c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 05/2023/TTBGTVT):

“2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe tại nơi tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, người lái xe gửi 01 bộ hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT:

“3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải dự sát hạch lại các nội dung:

a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này;

b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại lý thuyết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư này, thực hành lái xe trong hình và trên đường;

c) Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Thông tư này”.

Trên đây, là một số nội dung mới được sửa đổi, bổ sung liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái theo Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực từ ngày **01/06/2024**. Sở Giao thông vận tải Lai Châu đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình, các cơ quan thông tấn, báo chí trong tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để Nhân dân trên địa bàn tỉnh được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐBVN;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLVT-PT&NL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hưởng